

XỨ HUẾ

G.S. TRẦN QUỐC VƯỢNG

Địa - chính trị (Géo.Politique) cũng như địa chiến lược (Géo-Stratégie) là những môn học đã được giảng dạy từ khá lâu tại Đại học, như đại học Pháp chẳng hạn. Cuốn sách *Géo-Politique et Géo-stratégie* của Pierre Célébrier trong bộ sách "Tôi biết gì?" (Que sais Je?) rất nổi tiếng của PUF (Presses universitaires de France) - mà cứ ra số nào là Nhật Bản dịch in ngay ra tiếng Nhật số đó - cuốn này tôi có trong tay, đã được in lần đầu từ cuối năm 1955, đến nay đã được tái bản nhiều lần.

Đề cập đến *địa - chính trị*, học giả Pháp không bao giờ quên *cái nhìn lịch sử* (Apersu historique). Rồi thì đến những đặc điểm địa lý và sức vươn của môn Địa chính trị (Caractères et Étendue de la géopolitique) và sau cùng người ta bàn đến Cảnh sắc địa - chính trị của thế giới hôm nay (Aspect géopolitique du monde actuel)...

Trong bài viết nhỏ này, theo đề nghị của Tạp chí Di sản văn hoá, tôi sẽ cố gắng áp dụng cách tiếp cận địa - chính trị cùng cái nhìn địa - văn hoá đã có phần quen thuộc của tôi để "nhìn vào" (chứ không dám nhìn nhận về) Xứ Huế mến yêu, đầm thắm của chúng ta.

01- Khi tiếp cận nghiên cứu Vùng (Area studies) hiện nay đang rất phát triển ở Mỹ và ở Nhật - cùng lối viết địa chí đã rất quen thuộc của Trung Hoa cổ đại (ít ra là từ thời Hán, trước sau Công nguyên (common Era) và của Đại Việt - Việt Nam ít ra là từ thời Trung đại (với cuốn *Dư địa chí* (nguyên tác đề *An Nam Vũ Cống*) của Úc Trai - Nguyễn Trãi - 1435), các học giả thường đặt vùng mà mình nghiên cứu trong một *bối cảnh* (Contexte) có phần rộng lớn hơn.

Chẳng hạn về xứ Huế, người ta có thể đặt

"mảnh đất thiền kinh" đó, cố đô Huế, trong bối cảnh Việt Nam, nhỏ hơn nữa trong bối cảnh miền Trung, nhỏ hơn nữa trong tiểu vùng Bình-Trị-Thiên mà ta có thể gọi là *Tiểu vùng trung Trung bộ*, để phân biệt với tiểu vùng bắc Trung bộ - Thanh Nghệ Tĩnh - hay tiểu vùng nam và cực nam Trung bộ - từ xứ Quảng Nam đến Hàm Tân, Bình Thuận.

02- Vùng Bình - Trị - Thiên đã được tìm hiểu khá nhiều. Gần đây nhất, tôi được đọc một tiểu luận rất hay ho và lý thú của học giả Thái Công Tụng "*Vùng thiên nhiên Bình-Trị-Thiên. Đặc tính địa lý và đa dạng sinh học*" (được in trong tạp san Nghiên cứu Huế của Trung tâm nghiên cứu Huế, tập 2, 2001, từ trang 123 đến trang 129). Trong bài nghiên cứu sắc sảo này, Thái tiên sinh đã tìm hiểu khá kỹ càng một tiểu vùng *từ Đèo Ngang đến đèo Hải Vân* theo chiều Bắc Nam, từ dãy núi Trường Sơn ở phía Tây giáp với Lào cho đến đồng bằng duyên hải cận biển đông. Thái tiên sinh nêu cô xúc những đặc tính địa lý của sinh hệ Bình - Trị - Thiên là:

+ *Mưa nhiều (>2000mm/năm) và mưa muộn* (mưa lũ nhiều nhất từ tháng 9 - tháng 11), nhiều nhà địa lý - khí hậu - thời tiết gọi là *mùa mưa lệch pha* so với *mùa mưa* ở Bắc bộ và Nam bộ (từ tháng 4 -> 10).

+ *Gió Lào* (gió Tây, hiệu ứng "phơn" (foehn). Rất nóng về mùa Hạ và kéo dài 4-5 tháng. Nhiệt độ trung bình ở Huế (vĩ tuyến 16 độ 35') là 25,1 độ C, so với Sài Gòn (vĩ tuyến 10 độ 49' là 26,9 độ C; tháng lạnh nhất cũng có nhiệt độ trung bình trên 18 độ C, độ ẩm tương đối lớn, trên 80%...)

+ *Đồng bằng nhỏ hẹp, lại còn nhiều đầm phá* ở giữa vùng biển và đồng bằng phù sa. Sông ngắn, lưu vực hẹp.

+ *Dễ lụt*. Có câu nói dân gian

Ông tha mà bà chẳng tha
Làm ra cái lụt hăm ba tháng mười.

Trong khi ở miền Nam-trung "tháng 7 nước nhảy lên bờ" (lũ lụt sớm).

+ Nhiều đồi (cồn) cát cao và di động. Lê Quý Đôn (trong *Phủ biên tạp lục*) đã nói đến các dải cồn cát Tiểu Tràng Sa, Đại Tràng Sa và Léopold Cadière (xem B.A.V.H) đã định danh các dải cồn cát Tây, cồn cát Đông so với dải cồn hiện tại. (Tây sớm hơn Đông thường có di tích Sa Huỳnh, giữa 2 dải Tây - Đông là các di tích Chămpa).

+ Về môi sinh vùng Bình - Trị - Thiên, Thái tiên sinh nêu năm chữ O:

- Overpopulation (quá đông dân),
- Overcutting (nạn phá rừng).
- Overgrazing/Overstocking (đồng cỏ quá sức tải chăn nuôi bò, dê khó phát triển).
- Overfishing (đánh cá quá mức).
- Overhunting (săn bắn quá mức).

Sau cùng, Thái tiên sinh nêu ra 5 đề nghị (5C) trong việc quản lý môi sinh:

- Population Control (kiểm soát việc sinh đẻ).
- Cutting Control (kiểm soát việc phá rừng).
- Grazing Control (kiểm soát việc phá đồng cỏ).
- Fishing Control (kiểm soát nạn tiêu diệt thủy hải sản).
- Hunting Control (kiểm soát việc săn bắn chim, thú rừng).

Để bảo vệ quỹ Gen và sự phát triển bền vững của vùng thiên nhiên Bình Trị Thiên, cần bảo vệ sự đa dạng sinh học cùng những đặc sản của vùng này:

Tôm rắn lột vỏ bỏ đuôi

Gạo de An Cựu em nuôi mẹ già

Ai mà chẳng biết bản sắc của văn hóa ẩm thực Huế như các món *mắm tôm chua, bún bò giò heo, cơm hến, mè xứng, tré (nem chua Huế)* cùng các loại bánh: Bánh Khoái, bánh Bèo, bánh Lá, bánh ƯỚt, bánh Bột lọc... cùng với "gu" ăn cay của người Huế mà Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cố công tường giải theo lý thuyết điều hoà âm dương (xứ nóng ngoài, thì trong lạnh, ăn cay giải nhiệt và còn có ảnh hưởng "ót mợi" (ót chỉ thiên) của đồng bào thiểu số K'tu, Pahi) đọc Trưởng Sơn.

- Dưới đây, tôi sẽ tiếp cận việc nghiên cứu Xứ Huế dưới góc nhìn địa - chính trị, địa văn hóa.

03- Đập vào tâm trí các nhà sử học, khảo cổ học, là sự dự cảm về tiểu vùng Bình Thị Thiên - một vùng giao thoa văn hóa từ thời sơ sử (trước công nguyên) giữa không gian văn hóa

Đông Sơn từ Bắc bộ đến Đèo Ngang và văn hóa Sa Huỳnh từ xứ Quảng Nam - Quảng Ngãi trở vô Nam. Thực tế thì có phần phức tạp hơn.

Từ sau 1975 đến nay, ta tìm thấy khuyên tai 3 mẫu kiểu Sa Huỳnh muộn ở Nghi Xuân - Hà Tĩnh, thấy di tích giếng Chăm xếp đá ở Kẻ Mỏm (Nam Giới) quê hương Mai Hắc Đế mà tôi đã đoán là "Bố Chăm mẹ Việt" (722). Ở xứ Nghệ còn có Nhạn tháp phong cách Chămpa thế kỷ VIII-IX. Ta cũng tìm thấy trống đồng loại I Heger ở Phù Lưu (Quảng Bình) vùng chân sườn Nam Đèo Ngang, ở Hải Lăng Quảng Trị, ở ven sông Ô Lâu Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

Đặc biệt, trống Hải Lăng có nhiều mô típ chạm khắc rất Điển Việt, chịu ảnh hưởng văn hóa Điển ở Vân Nam - cũng như di chỉ Đông Sơn muộn mang rất nhiều chất Điển ở Làng Vạc - Nghĩa Đàn xứ Nghệ.

Đặc biệt là việc khai quật khu di chỉ Cồn Yang - Sa Huỳnh muộn ở Huế vô cùng rộng và đậm đặc.

Cùng với sự phát hiện các trống đồng đậm chất Điển ở thượng Lào, vùng cánh đồng Chum

- Xiêng Khoảng [xem Eizi nitla *The Mekong basin-and-its-neighboring Regions toward the Early Civilization* (lưu vực Mê Công và vùng phụ cận trên đường hình thành văn minh sớm) Kỷ yếu hội thảo nghiên cứu khảo cổ lưu vực Mê Công, Bình Thành 12-2-2000 trang 7 - 19], giới khảo cổ và sử học ngày càng nghĩ tới con đường giao thương và giao lưu văn hóa dọc lưu vực Mê Công, trên đường thượng đạo Điển - Tây bắc Việt Nam - Thượng Lào - Nghệ Tĩnh - Bình Trị Thiên. Điều này còn lặp lại ở những thế kỷ đầu công nguyên muộn khi nhiều thái thú Cửu Chân - Nhật Nam thời Hán - Lục triều (I-VI) là người Di (họ Mạnh - như Mạnh Thống, Mạnh Hoạch) gốc vùng Điển Vân Nam và sau này dựng lên nước Nam Chiếu (chủ nhân chính của nước Điển, văn minh Điển và Nam Chiếu về sau cũng là người Di, ngữ hệ Tạng - Miến). Tôi vừa đi dự Hội thảo quốc tế về lịch sử Việt Nam - Đông Á 10 thế kỷ đầu công nguyên ở Tokyo (tháng 5-2003). Tại đây, các đồng nghiệp Nhật Bản (GS Momoki Shiro, TS Yamagata Mariko...) cho hay là họ đã nghiên cứu các tiểu quốc bắc Chămpa vùng Bình Trị Thiên và nhận thấy mối quan hệ giao thương, giao lưu văn hóa chặt chẽ giữa vùng này và vùng phía Tây và phía Bắc (Thượng Lào, Kì rạt - Thái Lan cao nguyên Vân Nam, Quý Châu).

Vậy kết luận đầu tiên: Xứ Huế và vùng Bình Trị Thiên là Vùng giao thoa văn hóa (Bắc-

Nam qua các **Đèo**, Đông - Tây cũng qua các Đèo trên dải Trường sơn. Càng ngày người ta càng thấy **Núi** (qua đèo) cũng như biển (qua các cảng thị cửa sông - ven biển) là cái **gạch nối** kinh tế- văn hoá - chính trị - xã hội hơn là sự chia cắt. Từ thành phố Huế, tôi đã qua suối, qua đèo lên Nam Đông, A Sầu, A Lưới của tộc Ktu, Pahi, Paroh...

04- Xứ Huế - với Cồn Yàng - Hương Chử - Hương Trà (và chắc chắn Cồn Yàng không chỉ là một khu di tích đơn lập - xem Báo cáo khảo cổ Cồn Yàng của TS Bùi Văn Liêm - Viện Khảo cổ - 2003) đã có cư dân từ thời **Đá cũ** (phát hiện chopper của Mai Khắc Ứng và đồng nghiệp bảo tàng Huế, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế, ở vùng Long Hồ phía trên Kim Long và vùng Tả - Hữu trạch dưới chân núi Kim Phụng1). Thời đá mới - sơ kỳ kim khí (những phát hiện lẻ tẻ ở vùng Hang Dơi, Nam Đông... trong không gian H'tu và ở vùng lưu vực Truồi, nam Huế, dân số bản địa Sa Huỳnh đã khá đậm đặc ở Hương Trà và vùng dọc sông Ô Lâu , sông Bồ...).

05- Thế rồi, với những "cú hích ngoại sinh", do giao thương đường biển đến từ Nam Ấn và từ Trung Hoa (gốm Hán, văn in hình học dày đặc ở vùng cửa Ròn, cửa Gianh, cửa Tùng, cửa Việt (Mai Xá), cửa Eo, cửa Thuận, cửa Tư Hiền (xem Trần Quốc Vượng: Việt Nam, cái nhìn địa văn hóa, Hà Nội, 1998, đặc biệt các trang 341-417) đã đẩy "Sa Huỳnh" (đã là một nền văn hóa Lúa - Dâu tằm, hướng biển) lên một nền Văn minh và Nhà nước sớm là nước **Lâm Ấp** (Lin Yi).

06- Phát hiện mới nhất (2000) về cụm tháp Chàm ở bờ biển Phú Vang Huế - hiện nay có niên đại sớm nhất (thế kỷ VII-VIII) trong tất cả các tháp Chàm miền Trung khiến người ta lại nghĩ đến quan điểm của A.Stein (Le Lin Yi - Tạp chí Hán học, 1947) về trung tâm Lin Yi là vùng xứ Huế (xem bài của Hồ Văn Em trên tạp chí Xưa & Nay, 2001) - cũng xem Sơn - hình Chân Lý Tử (Yamagata Mariko) "The Formation of Lin Yi: Internal and external Factors" (sự hình thành nước Lâm Ấp: các nhân tố nội tại và ngoại lai). The 16th Congress of Indo-Pacific Prehistory Association (hội nghị lần thứ 16 của Hiệp hội tiền sử Án Độ - Thái Bình Dương - Melaka, Malaysia, 1998. 7.5).

07- Nói riêng về Lâm Ấp - Chàm Pa ở vùng Bình Trị Thiên - với các nghiên cứu hiện nay thì gần như các học giả trong ngoài nước đã khẳng định: Chàm Pa không phải là một vương quốc

thống nhất theo chê độ trung ương tập quyền kiểu Trung Hoa từ Tần Hán, mà có phần chắc chắn hơn là một liên hiệp các tiểu quốc cùng văn hóa, nhưng đa tộc người, chủ đạo là cư dân Melaya (ngữ hệ Austronesian); và nhiều tộc cư dân ngữ hệ Austroasiatic (Katouic, Bahnaric...). theo gót cố GS lừng danh Anh O.W.Wolters, nhiều học giả (trong đó có kẻ ngu hèn này) đã mệnh danh nó là *mandala Champa* mà GS Lương Ninh gọi là Chăm Pa bắc (từ Quảng Bình - Phú Yên) và Chăm Pa nam (Khánh Hòa - Ninh - Bình Thuận nay). (xem khoa Sử Đại học Tổng hợp Lịch sử Việt Nam tập I, Hà Nội, 1986). Đó là cái nhìn địa - chính trị vì miền Trung là vùng hẹp Tây - Đông và kéo dài Bắc - nam với "Một đèo, một đèo, lại một đèo" chặn ngang theo sơ đồ:

Đèo Ngang*	Đèo Ngang*
Tây	Đèo Hải Vân*
Trường sơn	Đèo Cù Mây*
	Đèo Cả*

*Chỉ kể các đèo chính.

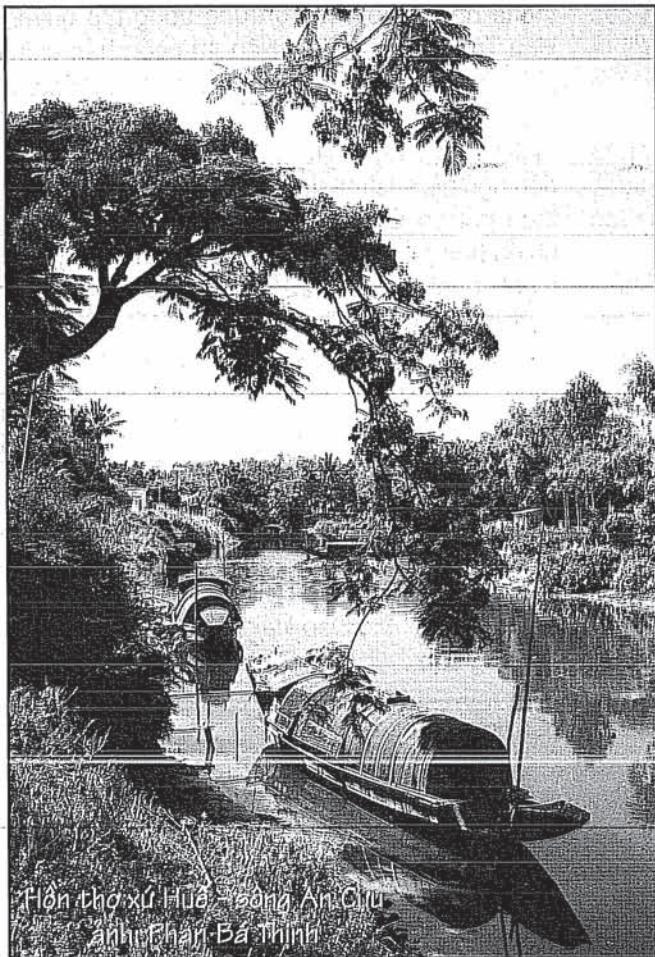
Trên đại thể, giữa hai đèo lớn là một tiểu quốc Chăm Pa: Amaravati (Xứ Quảng) Vijaya (Bình Định), Kauthara (Khánh Hòa) Panduranga (Ninh Thuận - Phan Rang) v.v... Xứ Bình Trị Thiên - Huế thời Chăm Pa mang tên gì thì hiện nay chưa biết được, chỉ nghe lóng, qua sử chính thống Việt (qua vụ đám cưới Huyền Trân - Chế Mân 1306) là Châu Ô (sau Trần đổi là Châu Thuận, hiện còn thành Thuận, chợ Thuận ở Triệu Phong Quảng Trị cùng nhiều giếng Chăm, gạch Chăm), Châu Lý: (Nhà Trần đổi là Châu Hoá bao gồm Thừa Thiên Huế tên đọc tránh của Hoá) và bắc Quảng Nam (Hoà Vang, nay thuộc thành phố Đà Nẵng).

08- Ta chớ nên quên rằng Trung - Nam Trung bộ còn là quận Nhật Nam thời Hán (hay từ thời Triệu - Nam Việt trước đó, trước Công nguyên vài thế kỷ). Nhật Nam gồm 5 huyện:

- Tây Quyển (đứng đầu danh sách) là quận/huyện trị ở cực bắc phía đèo Ngang.
- Thọ Linh (còn tên sông Thọ Linh = sông Gianh ở Quảng Bình, tên phiên âm Hán cổ, theo từ điển Karlsgren là T'ring tên một loài chim, có thành Chămpa Cao Lao (K'lao - B'lao?).

- Lô Dung.

- Chu Ngô (Nam Quảng Bình, huyện Lệ Thủy, bờ sông Kiến Giang còn di tích thành Nhà Ngô rất Chămpa và một phần Việt hoá thành "Ninh Viễn thành", một cái tên khá mơ hồ. Có thể ngôi thành Chu Ngô ở đó.



- Tượng Lâm - huyện Cực Nam Nhật Nam. Xứ Rừng Voi (bao gồm Tây Nguyên). Khoảng năm 190 - 192, con viên công tài (như trưởng phòng xây dựng huyện) là Khu Liên lập nước Lâm ấp ở đó. Tức nay là vùng Trà Kiệu Duy Xuyên, Quảng Nam.

Suy đi tính lại, cụ Đặng Xuân Bảng (tác giả: Sử học bi khảo), thầy tôi GS Đào Duy Anh (tác giả *Đất nước Việt Nam qua các đời* Hà Nội 1964) và tôi lập giả thuyết Xứ Huế, về mặt địa chính trị, là huyện trị Lô Dung của Nhật - Nam. Cửa cảng Lô Dung là cửa Tư Hiền (Thừa Thiên Huế). Sông Lô Dung là sông Hương - sông Bồ.

Tất nhiên vấn đề này còn cần nghiên cứu thêm. Duy có điều này là khá rõ: Nhà Hán bành trướng xuống Phương Nam, thường biến các bộ lạc (vùng địa phương Chiefdoms) với các thủ lĩnh địa phương (local Chieftains) thành huyện. Hán xây *thành huyện* theo thuyết phong thủy, và khi các tiểu vương Chăm Pa - vốn là thủ lĩnh địa phương lập quốc - thì họ thường dùng thành huyện Hán để làm thành mới cho tiểu vương quốc của mình.

Vùng Bình Trị Thiên, kể từ Bắc vào Nam, ở

bờ nam sông Gianh có *thành Cao Lao*, đó là huyện Thành Tây Quyển, nay là tiền thành biên phòng để đối phó với Giao Châu, An Nam, sau này là Đại Việt. Nam Quảng Bình, trên sông Kiến Giang là *thành nhà Ngo* (Chu Ngô?). Ở Quảng Trị nay, phía Bắc, trên sông Bến Hải có *thành Cổ Luỹ*, phía Nam, ở Triệu Phong nhánh sông cửa Việt có *thành Thuận Châu* tức là thành Châu Ô cũ của Chăm Pa. Ở Thừa Thiên Huế, trên vùng *Thành Trung bên sông Bồ* có thành Hoá Châu, vốn là thành Châu Lý (Rí) của Chiêm Thành.

Thế còn *Thành Lồi* (vùng Nguyệt Biều - Long Thọ, bờ phải sông Hương, đối diện với chùa Linh (Thiên) Mụ? Tôi và Vũ Hữu Minh (tiếc thay đã quá cố!) đã nghiên cứu khá kỹ càng thành Lồi và nhận ra đó là một thành-luỹ Chămpa lớn, xây dựng trên vùng đồi, nay là Dương Xuân Thượng, luỹ Nam dài #550m, luỹ Đông dài #370m, luỹ Tây dài #350m, luỹ Bắc ở sát giới hạn xâm thực của sông Hương dài #750m, với đầy đủ hệ thống hào, hệ thống thoát nước ra sông Hương đúng nơi *giao thuỷ* nước mặn - nước ngọt. Quy mô và niên đại không kém gì thành Trà Kiệu Quảng Nam (thế kỷ V-VI). Chúng tôi rất ngỡ, về mặt địa - chính trị ở đây cũng là một đô thành của liên hiệp mandala Chăm Pa (?). Theo đoàn nghiên cứu quốc tế do tôi và GS Fukui Hayao (Nhật) dẫn đầu, năm 1998, thì thành Lồi trên sông Hương giữ vị trí trung tâm địa chính trị - địa chiến lược, còn thành Chăm Pa ở Thành Trung xã Hương Vinh trên sông Bồ (quê hương của Giám đốc sở Văn hoá Thông tin Nguyễn Xuân Hoa) là *tiền thành phòng thủ* ở vùng miệt biển Thuận Hoá - Huế với các cảng thị Cửa Eo (avant - fort) cửa Thuận (cảng cá) và nhất là cảng Tư Dung - Tư Khánh - Tư Hiền (cảng quân sự của thủy quân Chăm Pa).

09- Nay giờ, cuối cùng tôi xin nói vắn về vị thế địa - chính trị, văn hoá xứ Huế thời Đại Việt. Nói vắn vì tôi đã viết khá nhiều về vấn đề này trên *Tạp chí sông Hương* và trong cuốn *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*. Càng nên nói vắn, vì nhà nghiên cứu trẻ đầy tiềm năng Phan Thanh Hải đã viết một loạt bài rất hay về các trung tâm chính trị của chúa Nguyễn, ở Đàng Trong dịch chuyển từ *Dinh Cát*, *Dinh Ái Tử* (Quảng Trị - thời chúa Nguyễn Hoàng - 1558 - 1570) đến Quảng

Điền thời chúa Sái Nguyễn Phước Nguyễn (1613 - 1635) rồi Kim Long thời chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635 - 1648) rồi Phú Xuân - Huế... được đăng tải trên tờ tạp chí rất có uy tín của Sở Khoa học - công nghệ - Môi trường Thừa Thiên Huế và được TS Li Tana (Australia) hết sức ngợi ca. Bản thân TS Li Tana cũng đã có một công trình dày dặn (vốn là luận án tiến sĩ) về Nguyễn - Cochinchina (xứ Đàng Trong, đã được dịch ra tiếng Việt, nguyên bản tiếng Anh in bởi Seap, Cornell University, Ithaca New York 1998).

Chính Nguyễn Hoàng (chúa Tiên) là người nhận ra vị trí địa chính trị của xứ Huế. Năm 1558 làm trấn thủ Thuận Hoá, Ông chỉ có thể đóng ở Dinh Cát vùng sông Ái Tử - Quảng Trị. Phải đến 1570 khi được kiêm Trấn thủ Thuận Quảng, Ông mới có dịp đi kinh lý từ Bình Trị Thiên, khi qua Huế, Ông đã thấy chùa Thiên Mụ (chùa này đã được ghi trong sách Ô Chau Cận lục của Dương Văn An đời Mạc - 1555). Đêm đó ông có một "giấc mơ" lành: Bà cụ thần áo đỏ (bà mẹ xứ sở) khuyên Nguyễn Hoàng xây dựng làm Kinh Trấn. Và, trước khi Nguyễn Hoàng mất (1613) ông đã trối trăng cho thế tử Nguyễn Phúc Nguyên, với sự phân tích rất hay về vị thế địa chính trị - địa chiến lược vùng Đàng Trong để khuyến khích con dựng một nước Việt khác (với một mô hình khác Trung Hoa, khác Lê Trịnh, cởi mở hơn về phía biển, bắt nhịp vào thời đại "thương mại" của thế giới Tây - Đông. Sau đó chúa Sái, chúa Thượng, chúa Hiển... đã dựng lên được một xứ Đàng trong phồn vinh, với các cảng thị, đứng đầu là Hội An và một nền văn minh nông nghiệp đa canh, đa tuyến.

(Xem Keith Taylor: Nguyễn Hoàng bản dịch đăng tạp chí Xưa & Nay, cũng xem Li tana, sách đã dẫn).

Thế nhưng các vua Nguyễn, từ đầu thế kỷ XIX, nhất là Minh Mang đến Tự Đức, đã không thực hiện nổi lời Di huấn của chúa Tiên. Cuối cùng đã bai vong trước thế lực xâm thực phương Tây!

Và, xứ Huế đã dần dà trở thành cố đô trầm lặng, không như Hà Nội.

Cố đô rồi lại tân đô

Ngàn năm văn vật bây giờ vẫn đây!

Hà Nội tháng 6 năm 2003

T.Q.V

Núi Kim Phụng cao 427m, là chủ sơn của xứ Huế, vua Tự Đức đưa vào từ điển (để thờ thần Núi). ngư dân Thuận An ra khơi vào lộng đều lấy núi kim Phụng làm tiêu.

TIN

VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẺ BÀNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ DI SẢN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI

Từ ngày 30/6/2003 đến ngày 5/7/2003, Ủy ban Di sản Thế giới đã tổ chức Hội nghị lần thứ 27 tại Paris. Tham dự kỳ họp này có gần 400 đại biểu chính thức, thuộc 176 nước đã phê chuẩn tham gia Công ước bảo tồn Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới, đại diện của UNESCO, ICOMOS, IUCN, ICCROM...

Tại Hội nghị lần này, Ủy ban Di sản Thế giới đã tập trung thảo luận những vấn đề có tính toàn cầu đối với việc bảo vệ di sản văn hóa thế giới, đặc biệt là vấn đề thu hút thế hệ trẻ tham gia vào công tác bảo vệ di sản theo khẩu hiệu "Di sản ở trong tay thế hệ trẻ"; đồng thời, phê chuẩn Công ước quốc tế về việc xuất nhập khẩu các tài sản văn hóa trong trường hợp có xung đột vũ trang. Hội nghị còn xem xét báo cáo định kỳ về các di sản thế giới của các nước trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và đánh giá chung về tình hình quản lý các di sản thế giới đã được công nhận.

Một nội dung chính yếu khác của Hội nghị lần thứ 27 là, trên cơ sở xem xét 40 hồ sơ đã được các cơ quan chuyên môn quốc tế thẩm định, đã thống nhất quyết định công nhận thêm 24 di sản thế giới của các quốc gia.

Tham gia Hội nghị này, đoàn đại biểu Việt Nam có sứ mệnh quan trọng là bảo vệ hồ sơ khu Di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng. (Hồ sơ về khu Di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng được xây dựng từ năm 1998 trên cơ sở những thông số về khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha, với tổng diện tích là 41,132ha. Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký và kết quả thẩm định trực tiếp, IUCN (Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới) đã đề nghị Việt Nam xác định rõ những nội dung về giá trị địa chất đặc thù và đổi tên khu di sản từ "Khu Động Phong Nha" thành "Khu Bảo tồn Phong Nha - Kẻ Bàng", với diện tích lên tới 147,945 ha - Tháng 6/2000, phía Việt Nam đã gửi hồ sơ bổ sung và tháng 12/2001, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định nâng hạng khu Bảo tồn Phong Nha - Kẻ Bàng thành Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, phía Việt Nam có sự đăng ký điều chỉnh theo địa giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là 85,754ha).

Trong quá trình bảo vệ hồ sơ của khu bảo tồn Phong Nha - Kẻ Bàng, đoàn đại biểu Việt Nam đã trình bày rõ quan điểm của Việt Nam trong việc bảo vệ di sản và giải trình những vấn đề kinh tế - xã hội, vấn đề địa giới... một cách thuyết phục, nên khi bỏ phiếu, 21 thành viên của Ủy ban Di sản Thế giới đã thông qua với số phiếu thuận tuyệt đối.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản thiên nhiên Thế giới là niềm tự hào của chúng ta về giang sơn, gấm vóc Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra trước chúng ta những trách nhiệm to lớn đối với sự nghiệp bảo vệ các di sản văn hóa và thiên nhiên của quốc gia và của cả nhân loại.

N.T.H

